

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9085/BKHĐT-QLĐT
V/v Báo cáo tình hình thực hiện
hoạt động đấu thầu năm 2022

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước.

Thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định tại Điều 83 Luật Đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022 theo các nội dung sau:

- Phần I: Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022 (theo đề cương hướng dẫn tại Phụ lục 1).
- Phần II: Tổng hợp số liệu về công tác đấu thầu (theo hướng dẫn tại Phụ lục 2).
- Phần III: Tổng hợp các cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung (theo hướng dẫn tại Phụ lục 3).

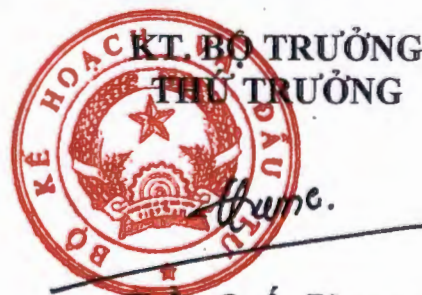
Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022 được thực hiện trên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 4.

Báo cáo của quý Cơ quan, đơn vị xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 01/02/2023* để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Bộ (để thực hiện);
- Lưu VT, Cục QLĐT (TĐ 95).



Trần Quốc Phương



PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
ĐẤU THẦU NĂM 2022

(Đính kèm văn bản số 905/BKHĐT-QLĐT ngày 14/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022 theo các nội dung sau:

PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

- Tổng hợp số liệu kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, dự toán mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ theo hai hình thức đấu thầu không qua mạng và đấu thầu qua mạng (trong đó cần xác định tỷ lệ % kết quả thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng), bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu; theo hình thức lựa chọn nhà thầu; theo phân loại dự án;

- Tổng hợp số liệu kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

- Số lượng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phân cấp, phổ biến, quán triệt thực hiện công tác đấu thầu;

- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu;

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề);

- Số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu;

- Số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu

Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu)

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu

- Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

- Việc xử lý vi phạm trong đấu thầu: tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm.

5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu

Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

6. Các nội dung khác (nếu có)

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

- 1. Đánh giá chung*
- 2. Về xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật về đấu thầu*
- 3. Việc thực hiện đấu thầu qua mạng theo lộ trình quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT*
- 4. Công tác hướng dẫn thực hiện, đào tạo và tuyên truyền phổ biến pháp luật về đấu thầu*
- 5. Công khai thông tin trong đấu thầu*
- 6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo*
- 7. Tình hình triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017, Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu*

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2022, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị và giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2023.

PHẦN II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA (*Lưu ý không tổng hợp lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP trong báo cáo này*).

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Kết quả thực hiện tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

Tổng hợp kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý, bao gồm: số lượng dự án đầu tư sử dụng đất, xã hội hóa theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu.

- Số lượng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phổ biến, quán triệt thực hiện công tác đấu thầu;

- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa đơn vị mình tổ chức trong năm 2022, số lượng đại biểu tham gia;

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất đơn vị mình tổ chức trong năm 2022, số lượng học viên;

3. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư).

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

- Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị;

- Việc xử lý vi phạm trong đấu thầu: tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm.

5. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án:

Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà đầu tư, thông tin cơ bản về dự án (địa điểm, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư...).

6. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. *Đánh giá chung*
2. *Về xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật lựa chọn nhà đầu tư*
3. *Về công tác phổ biến, quán triệt thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư*
4. *Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động lựa chọn nhà đầu tư*
5. *Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng*
6. *Công khai thông tin trong đấu thầu*
7. *Công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu*

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất và dự án đầu tư thực hiện theo hình thức xã hội hóa năm 2022, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị và giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm 2023.

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC ĐẦU THẦU

(Đính kèm văn bản số 2085/BKHĐT-QLĐT ngày 14/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Gồm 04 biểu tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu từ **Biểu 2.1 đến Biểu 2.5** và 01 biểu tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện lựa chọn nhà đầu tư sử dụng đất và xã hội hóa **Biểu 2.6** đính kèm theo báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu năm 2022 (trong đó, số liệu tại Biểu 2.6D được tổng hợp trên cơ sở các thông tin được cung cấp tại Báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu thầu năm 2021, đề nghị rà soát, sửa đổi (nếu có sai sót) và cập nhật tiến độ của dự án).

Lưu ý, đơn vị tính cho tất cả các Biểu là “**triệu đồng**”, bao gồm cả **Biểu 2.3** (Biểu tổng hợp số liệu liên quan đến vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ).

Để chuẩn xác số liệu và tránh trùng lặp, đề nghị:

1. Đối với các Bộ, ngành và địa phương:

Trong báo cáo của mình **không tổng hợp** kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu dự án Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đại diện làm chủ sở hữu (quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

2. Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước:

- Trong báo cáo của mình **không tổng hợp** kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với các gói thầu, dự án do chính Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước **tham dự thầu với tư cách nhà thầu, nhà đầu tư** (trừ các gói thầu, dự án tự thực hiện thuộc các dự án do Tổng công ty/Tập đoàn kinh tế nhà nước quản lý).

- 19 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đại diện làm chủ sở hữu sẽ có báo cáo riêng.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

- Đối với lựa chọn nhà thầu: Anh Vũ Tiến Đạt, ĐT: 080.44933, DĐ 0866.103.246

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư sử dụng đất và xã hội hóa: Anh Nguyễn Viết Trung, ĐT: 080.44775, DĐ 0916.999.961.

- Đối với việc tải số liệu lên hệ thống mạng đầu thầu quốc gia: Anh Dương Văn Hợp ĐT: 0949.869.362.

PHỤ LỤC 2

Biểu 2.1

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13
(Đính kèm văn bản số 9085 /BKHĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quốc trọng quốc gia				Dự án nhóm A				Dự án nhóm B				Dự án nhóm C				Tổng (a + b + c + d)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																				
1. Phi tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM																			
	QM																			
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																			
	QM																			
4. Xây lắp	KQM																			
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
	QM																			
Tổng cộng I		KQM																		
		QM																		
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rộng rãi**	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
8. Tham gia thực hiện của công đồng	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
Tổng cộng II		KQM																		
		QM																		

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA

* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm đ, e, g khoản 1

Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013

** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2
(Đính kèm văn bản số: 9085/BKHĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CÁC GÓI THẦU MUA SẴM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẴM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022 THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Biểu 2.2

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phi tư vấn	KQM				
	QM				
2. Tư vấn	KQM				
	QM				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM				
	QM				
4. Xây lắp	KQM				
	QM				
Tổng cộng I		KQM			
		QM			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM			
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM			
Tổng cộng II		KQM			
		QM			

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) mua sắm tập trung được tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số: 3087/BKHĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.3

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2022 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (a)				Dự án nhóm A (b)				Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Cộng (a + b + c + d)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)-(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																				
1. Phi tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM																			
	QM																			
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																			
	QM																			
4. Xây lắp	KQM																			
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
	QM																			
Tổng cộng I	KQM																			
	QM																			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																		
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																		
Tổng cộng II	KQM																			
	QM																			

Ghi chú: Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1
 Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2
KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (ten, số điện thoại, địa chỉ email)



(Đính kèm văn bản số: 9085 /BKHT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Cách thức lựa chọn nhà thầu (Qua mạng/không qua mạng)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu mua/nhận HSMT, HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá ký hợp đồng	Loại Hợp đồng	Cách thức ký hợp đồng (Hợp đồng khung/hợp đồng trực tiếp)
I. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng I													
II. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng II													
III. Tổng cộng (I+II+...)													

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu 2.1 và 2.2

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC

(Đính kèm văn bản số: 9085 /BKHĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
 Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của
 Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tu vãn, phi tư vãn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSD X	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số: 9085 /BKHET-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6A

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2022 THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP

Đơn vị: Tỷ đồng

PHÂN LOẠI HÌNH THỨC ĐẦU THẦU		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch	Dự kiến tổng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp trong HSMT/HSYC	Tổng Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất
1. Rộng rãi	Trong nước						
	Quốc tế						
2. Chỉ định thầu	Trong nước						
	Quốc tế						
3. Đặc biệt	Trong nước						
	Quốc tế						
Tổng cộng							

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)



PHỤ LỤC 2

(Đính kèm văn bản số: 505/BKHĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6B

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
THEO LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP**

Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Loại công trình dự án (1)	Công bố danh mục dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Chấp thuận NĐT (3)	Gia hạn thời gian nộp HSDK (có/không)(4)		Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (5)	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (6)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
				Thuộc diện Chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư				Có	Không					
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập															
Dự án 1															
Dự án 2															
...															
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất															
Dự án 1															
Dự án 2															
...															

Ghi chú:

- (1) Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: khu đô thị; nhà ở thương mại; trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ; hoặc công trình dân dụng có mặt
- (2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- (3): Ghi "X" trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (4): Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "Có" hoặc "Không" gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
- (5): Ghi "X" trường hợp có 02 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (6): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn.

_____, ngày ___ tháng ___ năm

Người báo cáo
(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2
(Đính kèm văn bản số 9085 /BK-HĐT-QLĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu 2.6C

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TỎ CHỨC ĐÁU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH, PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA NĂM 2022 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Lĩnh vực dự án (1)	Công bố danh mục dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Chấp thuận NĐT (3)	Gia hạn thời gian nộp HSDK (có/không)(4)		Đấu thầu rộng rãi (5)	Tiêu chí xét duyệt trúng thầu (6)
				Thuộc diện Chấp thuận chủ trương	Không thuộc diện chấp thuận				Có	Không		
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập												
Dự án 1												
Dự án 2												
...												
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất												
Dự án 1												
Dự án 2												
...												

Ghi chú:

- (1): Ghi lĩnh vực dự án: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường...;
- (2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- (3): Ghi "X" trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (4): Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "Có" hoặc "Không" gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
- (5): Ghi "X" trường hợp có 02 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (6): Ghi tiêu chí xét duyệt trúng thầu (đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc giá phí hàng hóa, dịch vụ hoặc tiêu chí khác).

STT	Địa phương	Tổng số dự án	Tên dự án	TMĐT (tỷ đồng)	Tổng diện tích(ha)	Đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu (tỷ đồng)	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất (tỷ đồng)	Số dự án phân loại theo tiến độ dự án						Số dự án phân loại theo				
								Đã ký kết HĐ/hoàn thành DA	Đã/đang thực hiện đầu thầu LCNĐT	Đã phê duyệt kế hoạch LCNĐT	Đã/đang thực hiện sơ tuyển	Đã công bố danh mục dự án	Chưa xác định tiến độ DA	Chưa có kết quả lựa chọn NĐT	Đầu thầu rộng rãi	Chỉ định nhà đầu tư	Chưa xác định được hình thức	
4	Thanh Hóa	11	Khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	556.70	95.75	-	-		X						X			
			Khu dân cư và thương mại dịch vụ xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa	2256.08	39,6	-	-		X								X	
			Khu dân cư xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa	1636.60	29,2	-	-		X								X	
			Khu dân cư Đồng Xuân, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn	536.54	18.80	-	-		X								X	
			Khu dân cư phía Tây Nam đường vành đai Đông Tây thuộc quy hoạch khu vực Đông Ga đường sắt cao tốc Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa	3260.70	48,97	-	-				X					X		
			Khu dân cư phía Tây đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	794,2	20,04	-	-				X						X	
			Khu dân cư phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa	901,9	14,8	-	-				X					X		
			Khu nhà ở thương mại xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa	145,1	3,09	-	-				X						X	
			Khu đô thị phía Bắc thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa	1154,9	29.90	-	-				X					X		
5	Đà Nẵng	4	Khu biệt thự sinh thái phía Tây đường tránh Nam hầm Hải Vân	644,63	97,23	-	-					X			X			
			Khu biệt thự sinh thái phía Đông đường tránh Nam hầm Hải Vân	398,59	60,12	-	-						X			X		
			Khu đô thị sinh thái phía Bắc đường Hoàng Văn Thái	579,79	87,44	-	-						X			X		

STT	Địa phương	Tổng số dự án	Tên dự án	TMBT (tỷ đồng)	Tổng diện tích(ha)	Đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu (tỷ đồng)	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất (tỷ đồng)	Số dự án phân loại theo tiến độ dự án						Số dự án phân loại theo					
								Đã ký kết HĐ/hoàn thành DA	Đã/dang thực hiện đấu thầu LCNĐT	Đã phê duyệt kế hoạch LCNĐT	Đã/dang thực hiện sơ tuyển	Đã công bố danh mục dự án	Chưa xác định tiến độ DA	Chưa có kết quả lựa chọn NĐT	Đấu thầu rộng rãi	Chỉ định nhà đầu tư	Chưa xác định được hình thức		
			Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	661,54	99,77	-	-					X			X				
6	Thừa Thiên Huế	2	Khu dân cư tại khu quy hoạch LK8, LK9, CX11 và CC5, thuộc Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế	Chưa có thông tin		-	-				X					X			
			Khu dân cư đô thị tại xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Chưa có thông tin		-	-			X								X	
7	Lào Cai	4	Khu đô thị mới Bắc Cường 1, thành phố Lào Cai	2578	47,86	-	-	X								X			
			Khu đô thị mới Bắc Cường 2, thành phố Lào Cai	1151	48,27	-	-	X									X		
			Tiểu khu đô thị mới số 16	1259	41,84	-	-	X									X		
			Tiểu khu đô thị mới số 24	939	26,63	-	-	X									X		
8	Phú Thọ	11	Khu dân cư mới phía Tây Nam thị trấn Đoan Hùng	1,370.459	27.20	-	-	X								X			
			Khu dân cư nông thôn mới Hoàng Xá	1,240.333	19.97	-	-	X									X		
			Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn	729.232	16.38	-	-	X									X		
			Khu nhà ở đô thị Hà Lộc	831.087	17.45	-	-	X									X		
			Khu nhà ở đô thị phía Tây Bắc thị trấn Sông Thao	1,531.191	25.36	-	-	X									X		
			Khu nhà ở đô thị Cửa Hàng	443.000	8.10	-	-	X									X		
			Khu nhà ở đô thị Ba Cỗ	496.356	9.00	-	-	X									X		
			Khu đô thị mới Thanh Minh, thị xã Phú Thọ	4,390.170	92.34	-	-	X										X	
			Khu đô thị mới Đông Nam, thành phố Việt Trì	4,679.328	63.54	-	-	X										X	
			Khu nhà ở đô thị Thanh Sơn	1,191.840	23.42	-	-	X									X		
Khu đô thị mới Phú Lợi, thị xã Phú Thọ	724.286	19.09	-	-	X									X					
9	Quảng Bình	1	Khu nhà ở thương mại phía đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	Chưa có thông tin		-	-	X								X			
10	Quảng Ninh	1	Dự án hồ chứa nước Đồng Dộng, huyện Vân Đồn	500	693	-	-	X							X				

STT	Địa phương	Tổng số dự án	Tên dự án	TMĐT (tỷ đồng)	Tổng diện tích(ha)	Đề xuất nộp ngân sách nhà nước được để nghị trúng thầu (tỷ đồng)	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất (tỷ đồng)	Số dự án phân loại theo tiến độ dự án							Số dự án phân loại theo					
								Đã ký kết HĐ/hoàn thành DA	Đã/dang thực hiện đấu thầu LCNĐT	Đã phê duyệt kế hoạch LCNĐT	Đã/dang thực hiện sơ tuyển	Đã công bố danh mục dự án	Chưa xác định tiến độ DA	Chưa có kết quả lựa chọn NĐT	Đầu thầu rộng rãi	Chỉ định nhà đầu tư	Chưa xác định được hình thức			
			Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	661,54	99,77	-	-						X			X				
6	Thừa Thiên Huế	2	Khu dân cư tại khu quy hoạch LK8, LK9, CX11 và CC5, thuộc Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế	Chưa có thông tin		-	-									X				
			Khu dân cư đô thị tại xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Chưa có thông tin		-	-				X								X	
7	Lào Cai	4	Khu đô thị mới Bắc Cường 1, thành phố Lào Cai	2578	47,86	-	-	X									X			
			Khu đô thị mới Bắc Cường 2, thành phố Lào Cai	1151	48,27	-	-	X										X		
			Tiểu khu đô thị mới số 16	1259	41,84	-	-	X										X		
			Tiểu khu đô thị mới số 24	939	26,63	-	-	X										X		
8	Phú Thọ	11	Khu dân cư mới phía Tây Nam thị trấn Đoan Hùng	1,370.459	27.20	-	-	X									X			
			Khu dân cư nông thôn mới Hoàng Xá	1,240.333	19.97	-	-	X										X		
			Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn	729.232	16.38	-	-	X										X		
			Khu nhà ở đô thị Hà Lộc	831.087	17.45	-	-	X										X		
			Khu nhà ở đô thị phía Tây Bắc thị trấn Sông Thao	1,531.191	25.36	-	-	X										X		
			Khu nhà ở đô thị Cửa Hàng	443.000	8.10	-	-	X										X		
			Khu nhà ở đô thị Ba Cỏ	496.356	9.00	-	-	X										X		
			Khu đô thị mới Thanh Minh, thị xã Phú Thọ	4,390.170	92.34	-	-	X											X	
			Khu đô thị mới Đông Nam, thành phố Việt Trì	4,679.328	63.54	-	-	X											X	
9	Quảng Bình	1	Khu nhà ở thương mại phía đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	Chưa có thông tin		-	-	X										X		
			Dự án hồ chứa nước Đồng Dộng, huyện Vân Đồn	500	693	-	-	X										X		

STT	Địa phương	Tổng số dự án	Tên dự án	TMĐT (tỷ đồng)	Tổng diện tích(ha)	Đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu (tỷ đồng)	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất (tỷ đồng)	Số dự án phân loại theo tiến độ dự án							Số dự án phân loại theo				
								Đã ký kết HĐ/hoàn thành DA	Đã/dang thực hiện đấu thầu LCNĐT	Đã phê duyệt kế hoạch LCNĐT	Đã/dang thực hiện sơ tuyển	Đã công bố danh mục dự án	Chưa xác định tiến độ DA	Chưa có kết quả lựa chọn NĐT	Đấu thầu rộng rãi	Chỉ định nhà đầu tư	Chưa xác định được hình thức		
11	Quảng Trị	1	Dự án khu dân cư mới Phường 1, thành phố Đông Hà	Chưa có thông tin		-	-					X			X				
12	Thái Nguyên	2	Khu đô thị Thác Lồ, thị trấn Đu, huyện Phú Lương	64,68	6,87	-	-	X								X			
			Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên	118,99	4,44	-	-	X									X		
13	Vĩnh Phúc	6	Khu đô thị mới tại xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên	1417,06	37,87	-	-					X				X			
			Khu dân cư thương mại và dịch vụ làng nghề Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên	480,46	12,56	-	-						X				X		
			Dự án đầu tư phát triển đô thị tại phường Hùng Vương thị xã Phúc Yên	342,23	6,78	-	-						X				X		
			Khu nhà ở đô thị tại khu vực nút giao đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai với đường Nguyễn Tất Thành	92,07	9,9	-	-						X			X			
			Dự án đầu tư phát triển đô thị tại khu vực phía Bắc đường từ QL2C đi cầu Bì La, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương	1074,6	19,36	-	-						X				X		
			Dự án đầu tư phát triển đô thị tại xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên	1137,92	24,73	-	-						X				X		
Tổng		52		43419,29	2213,8			24	12	5		11			31	21			

Ghi chú: Số liệu tại Biểu 2.6D được tổng hợp trên cơ sở các thông tin được cung cấp tại Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2021, đề nghị rà soát, sửa đổi (nếu có sai sót) và cập nhật tiến độ của dự án

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Đính kèm văn bản số 9085/BKHĐT-QLĐT ngày 17/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	KHÔNG BÁO CÁO	BÁO CÁO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU	
			VỀ THỜI HẠN	VỀ NỘI DUNG
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Ghi chú:

- Biểu này dành cho Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 tổng hợp danh sách các cơ quan, đơn vị do mình quản lý không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung theo yêu cầu.

- Đánh dấu "X" và ô tương ứng. Ví dụ: Không đảm bảo thời hạn, đánh dấu "X" vào cột "về thời hạn".

Mọi chi tiết xin liên hệ:

- Đối với lựa chọn nhà thầu: Anh Vũ Tiến Đạt, ĐT: 080.44933, ĐD 0866.103.246

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư sử dụng đất và xã hội hóa: Anh Nguyễn Viết Trung, ĐT: 080.44775, ĐD 0916.999.961.

- Đối với việc tải số liệu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Anh Dương Văn Hợp ĐT: 0949.869.362.

PHỤ LỤC 4
CÁCH THỨC NỘP BÁO CÁO

(Đính kèm văn bản số 9085/BKHĐT-QLĐT ngày 14/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT, việc báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2022 được thực hiện trên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia, theo đó, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo phương thức như sau:

- Gửi tập tin báo cáo có chữ ký và đóng dấu theo định dạng PDF và nhập số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu (Biểu 2.1, Biểu 2.2, Biểu 2.3, Biểu 2.4 và Biểu 2.5), nhà đầu tư sử dụng đất và xã hội hóa (Biểu 2.6) lên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

- Để phục vụ cho việc nhập số liệu trực tiếp lên Hệ thống trên, Quý Cơ quan, đơn vị cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham gia Hệ thống và quy trình đăng ký người sử dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, để tìm hiểu cách nhập số liệu lên Hệ thống và tải file mẫu các Biểu, Quý cơ quan, đơn vị vào địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>, chọn liên kết “Thư viện dữ liệu” phía trên cùng trang web, trong mục Biểu mẫu báo cáo công tác đấu thầu hàng năm. Sau khi đăng ký tham gia Hệ thống thành công, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị có văn bản cung cấp thông tin về mã định danh mà Quý Cơ quan, đơn vị dùng để đăng tải báo cáo công tác đấu thầu năm 2022 trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để được phân quyền thực hiện. Văn bản nêu trên được gửi về Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 04/01/2023.

- Ngoài ra, để thuận tiện cho công tác tổng hợp, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị gửi toàn bộ file word (nội dung báo cáo theo Phụ lục 1) và file excel (phần thống kê số liệu theo Phụ lục 2 từ Biểu 2.1 đến Biểu 2.6) vào địa chỉ email baocaodauthau@mpi.gov.vn. Định dạng dấu chấm, phẩy đối với phần thập phân theo quy định của Việt Nam, đơn vị tính triệu đồng; tiêu đề gửi file bao gồm tên đơn vị gửi, số hiệu văn bản (Ví dụ Sở KH&ĐT tỉnh A gửi báo cáo số 01/BC-SKHĐT sẽ có tiêu đề là SKHA_01_BC_SKHĐT)/.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

- Đối với lựa chọn nhà thầu: Anh Vũ Tiến Đạt, ĐT: 080.44739, DĐ 0866.103.246.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư sử dụng đất và xã hội hóa: Anh Nguyễn Viết Trung, ĐT: 080.44775, DĐ 0916.999.961.

- Đối với việc tải số liệu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Anh Dương Văn Hợp DĐ 0949.869.362.

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

TT	ĐƠN VỊ
1	Văn phòng TW Đảng
2	Văn phòng Quốc hội
3	Văn phòng Chính phủ
4	Văn phòng Chủ tịch nước
5	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
6	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội VN
7	Bộ Công an
8	Bộ Công thương
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	Bộ Giao thông vận tải
11	Bộ Khoa học và Công nghệ
12	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
13	Bộ Ngoại giao
14	Bộ Nội vụ
15	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Bộ Quốc Phòng
17	Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	Bộ Thông tin và Truyền thông
19	Bộ Tư pháp
20	Bộ Văn hoá- Thể thao và Du lịch
21	Bộ Xây dựng
22	Bộ Y Tế
23	Bộ Tài chính
24	Ủy ban quản lý vốn nhà nước
25	Ủy ban Dân tộc
26	Đài Truyền hình VN
27	Đài Tiếng nói VN
28	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
29	Thông tấn xã Việt Nam
30	Ngân hàng Phát triển Việt Nam
31	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
32	Toà án nhân dân tối cao
33	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
34	Kiểm toán Nhà nước

35	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
36	Thanh tra Chính phủ
37	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
38	UBND TP. Hồ Chí Minh
39	UBND TP. Hải Phòng
40	UBND TP. Đà Nẵng
41	UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
42	UBND tỉnh Bắc Giang
43	UBND tỉnh Bắc Ninh
44	UBND tỉnh Bến Tre
45	UBND tỉnh Bình Định
46	UBND tỉnh Bình Phước
47	UBND tỉnh Bình Thuận
48	UBND tỉnh Cao Bằng
49	UBND tỉnh Đắk Lắk
50	UBND tỉnh Đắk Nông
51	UBND tỉnh Điện Biên
52	UBND tỉnh Đồng Tháp
53	UBND tỉnh Gia Lai
54	UBND tỉnh Hà Giang
55	UBND tỉnh Hà Nam
56	UBND tỉnh Hà Tĩnh
57	UBND tỉnh Hậu Giang
58	UBND tỉnh Hòa Bình
59	UBND tỉnh Hưng Yên
60	UBND tỉnh Kiên Giang
61	UBND tỉnh Kon Tum
62	UBND tỉnh Lâm Đồng
63	UBND tỉnh Lạng Sơn
64	UBND tỉnh Lào Cai
65	UBND tỉnh Long An
66	UBND tỉnh Nghệ An
67	UBND tỉnh Ninh Bình
68	UBND tỉnh Ninh Thuận
69	UBND tỉnh Phú Thọ

70	UBND tỉnh Phú Yên
71	UBND tỉnh Quảng Bình
72	UBND tỉnh Quảng Ngãi
73	UBND tỉnh Quảng Ninh
74	UBND tỉnh Quảng Trị
75	UBND tỉnh Sóc Trăng
76	UBND tỉnh Sơn La
77	UBND tỉnh Tây Ninh
78	UBND tỉnh Thái Bình
79	UBND tỉnh Thái Nguyên
80	UBND tỉnh Thanh Hóa
81	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
82	UBND tỉnh Tiền Giang
83	UBND tỉnh Trà Vinh
84	UBND tỉnh Tuyên Quang
85	UBND tỉnh Vĩnh Long
86	UBND tỉnh Yên Bái
87	UBND TP. Hà Nội
88	UBND TP. Cần Thơ
89	UBND tỉnh An Giang
90	UBND tỉnh Bắc Kạn
91	UBND tỉnh Bạc Liêu
92	UBND tỉnh Bình Dương
93	UBND tỉnh Cà Mau
94	UBND tỉnh Đồng Nai
95	UBND tỉnh Hải Dương
96	UBND tỉnh Khánh Hòa
97	UBND tỉnh Lai Châu
98	UBND tỉnh Nam Định
99	UBND tỉnh Quảng Nam
100	UBND tỉnh Vĩnh Phúc

101	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
102	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
103	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
104	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
105	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
106	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
107	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
108	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
109	Tổng công ty Viễn thông MobiFone
110	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
111	Tổng công ty Hàng không Việt Nam
112	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
113	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
114	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
115	Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam
116	Tổng công ty Cà phê Việt Nam
117	Tổng công ty Lương thực miền Nam
118	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
119	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam